

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **8726**/BTC-CST
V/v thẩm định dự thảo Nghị định
quy định chi tiết thi hành Nghị
quyết số 116/2020/QH14 của
Quốc hội về giảm thuế TNDN

Hà Nội, ngày **20** tháng 7 năm 2020

Kính gửi: Bộ Tư pháp

Ngày 19/6/2020, Quốc hội đã thông qua Nghị quyết số 116/2020/QH14 về giảm thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) phải nộp của năm 2020 đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác. Tại khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 116/2020/QH14 đã giao Chính phủ hướng dẫn thi hành Nghị quyết này.

Thực hiện phân công của Chính phủ, Bộ Tài chính đã dự thảo Tờ trình Chính phủ và Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 116/2020/QH14 của Quốc hội. Ngày 26/6/2020 Bộ Tài chính đã có công văn số 7820/BTC-CST gửi lấy ý kiến các Bộ, ngành, địa phương, các tổ chức liên quan và đăng dự thảo trên Trang tin điện tử của Chính phủ, Bộ Tài chính để lấy ý kiến của tổ chức, cá nhân.

Đến nay, Bộ Tài chính đã nhận được ý kiến của các Bộ, ngành, địa phương, tổ chức, cá nhân liên quan. Bộ Tài chính đã nghiên cứu tiếp thu và giải trình đầy đủ các ý kiến đóng góp, tham gia (kèm theo).

Tại điểm 5 Nghị quyết số 105/NQ-CP ngày 14/7/2020 về phiên họp Chính phủ trực tuyến với các địa phương và phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 6 năm 2020 đã giao Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan xây dựng dự thảo Nghị định để thi hành Nghị quyết số 116/2020/QH14 của Quốc hội theo trình tự, thủ tục rút gọn, trình Chính phủ ban hành trong tháng 8 năm 2020.

Để kịp tiến độ trình Chính phủ ban hành, căn cứ quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tài chính đề nghị Bộ Tư pháp sớm có ý kiến thẩm định về hồ sơ dự thảo Nghị định (gửi kèm).

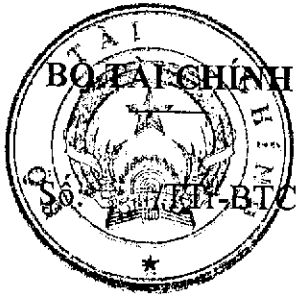
Bộ Tài chính trân trọng cảm ơn sự phối hợp công tác của Quý Bộ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- VPCP;
- Vụ PC;
- Lưu: VT, CST (TN).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Vũ Thị Mai



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

TỜ TRÌNH

Về dự thảo Nghị định quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 116/2020/QH14 của Quốc hội về giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2020 đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác

Kính gửi: Chính phủ

Đại dịch Covid-19 đã và đang diễn biến phức tạp, ảnh hưởng toàn diện, sâu rộng đến tất cả các quốc gia trên thế giới, trong đó có Việt Nam. Nền kinh tế toàn cầu và nhiều quốc gia, đối tác lớn của Việt Nam rơi vào suy thoái nghiêm trọng. Kinh tế nước ta có độ mở lớn, hội nhập quốc tế sâu rộng nên dịch bệnh tác động mạnh đến hầu hết các lĩnh vực kinh tế - xã hội (KTXH), ảnh hưởng đến tâm lý và đời sống nhân dân. Trong đó, nhiều chuỗi cung ứng và lưu chuyển thương mại, đầu tư bị gián đoạn; các hoạt động sản xuất kinh doanh bị đình trệ; tác động không nhỏ đến nền kinh tế và việc thực hiện các mục tiêu phát triển KTXH của năm 2020.

Để các doanh nghiệp có thêm nguồn lực tài chính duy trì và khôi phục sản xuất kinh doanh, cũng như hỗ trợ tối đa cho người lao động để đảm bảo mục tiêu an sinh xã hội, góp phần đạt mục tiêu cao nhất có thể về tăng trưởng kinh tế của năm 2020, ngày 19/6/2020, Quốc hội đã thông qua Nghị quyết số 116/2020/QH14 về giảm thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) phải nộp của năm 2020 đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác. Tại khoản 2 Điều 3 Nghị quyết giao “Chính phủ hướng dẫn thi hành Nghị quyết này”.

Bộ Tài chính đã soạn thảo hồ sơ dự thảo Nghị định và tổ chức lấy ý kiến các Bộ, ngành, địa phương, các tổ chức, cá nhân liên quan theo quy trình thủ tục rút gọn quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, đăng trên trang thông tin điện tử Chính phủ, trang thông tin điện tử Bộ Tài chính, lấy ý kiến rộng rãi của tổ chức, cá nhân để hoàn chỉnh hồ sơ Nghị định. Bộ Tài chính xin trình Chính phủ về dự thảo Nghị định như sau:

1. Sự cần thiết ban hành Nghị định

Theo số liệu thống kê, tính đến cuối năm 2019, Việt Nam có khoảng 760.000 doanh nghiệp đang hoạt động. Trong cơ cấu doanh nghiệp của Việt Nam, doanh nghiệp có quy mô nhỏ, siêu nhỏ và vừa chiếm khoảng 97% tổng

số doanh nghiệp và các doanh nghiệp này có vị trí quan trọng trong phát triển kinh tế cũng như ổn định xã hội.

Kinh nghiệm quốc tế cho thấy doanh nghiệp có quy mô nhỏ và vừa luôn là đối tượng được chú trọng trong các chính sách phát triển kinh tế ở nhiều quốc gia. Chính phủ nhiều nước đã thông qua các chính sách và chương trình hỗ trợ trên các phương diện khác nhau nhằm tạo điều kiện thuận lợi và thúc đẩy sự phát triển nhóm doanh nghiệp này, trong đó chính sách hỗ trợ về thuế cũng là công cụ thường được các nước sử dụng.

Trên thế giới, đại dịch Covid-19 tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường, tác động tiêu cực của dịch bệnh đến các mặt của đời sống KTXH còn tiếp tục kéo dài, chưa thể đánh giá hết hậu quả. Vì vậy, để các doanh nghiệp vượt qua khó khăn, thách thức do tác động của dịch bệnh, góp phần vào mục tiêu phát triển KTXH, ngày 19/6/2020, Quốc hội đã thông qua Nghị quyết số 116/2020/QH14 và giao Chính phủ hướng dẫn thi hành Nghị quyết này.

Vì vậy, việc ban hành Nghị định là cần thiết để sớm triển khai trong thực tiễn.

2. Mục tiêu, yêu cầu

- Đảm bảo các chính sách hỗ trợ kịp thời, đúng đối tượng để đạt được mục tiêu về hỗ trợ, phát triển doanh nghiệp theo chủ trương của Đảng và Nhà nước, đồng thời phù hợp với tình hình, điều kiện thực tế của ngân sách nhà nước (NSNN).

- Đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với các quy định của pháp luật liên quan như Luật Thuế TNDN, Luật Quản lý thuế.

- Đảm bảo đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện, tạo thuận lợi cho người nộp thuế.

3. Bố cục và nội dung tại dự thảo Nghị định

a) Bố cục

Dự thảo Nghị định được bố cục gồm 04 Điều, cụ thể:

- Điều 1. Đối tượng áp dụng
- Điều 2. Giảm thuế TNDN
- Điều 3. Thủ tục giám thuế
- Điều 4. Tổ chức thực hiện và hiệu lực thi hành

b) Nội dung của dự thảo Nghị định

Điều 1. Đối tượng áp dụng

Điều 1 Nghị quyết số 116/2020/QH14 quy định: “*Nghị quyết này áp dụng đối với người nộp thuế TNDN là tổ chức hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ có thu nhập chịu thuế theo quy định của Luật Thuế TNDN (sau đây gọi là doanh nghiệp), bao gồm:*

1. Doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam.
2. Tổ chức được thành lập theo Luật Hợp tác xã.
3. Đơn vị sự nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam.
4. Tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam có hoạt động sản xuất, kinh doanh có thu nhập”.

Dự thảo Nghị định quy định đối tượng áp dụng như Điều 1 của Nghị quyết số 116/2020/QH14.

Điều 2. Giảm thuế thu nhập doanh nghiệp

Khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 116/2020/QH14 quy định: “Giảm 30% số thuế TNDN phải nộp của năm 2020 đối với trường hợp doanh nghiệp có tổng doanh thu năm 2020 không quá 200 tỷ đồng”.

Dự thảo Nghị định quy định chi tiết 04 nội dung sau:

(1) Về xác định tổng doanh thu để làm cơ sở giảm thuế

- Tại khoản 1 Điều 2 dự thảo Nghị định nhắc lại nội dung khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 116/2020/QH14 nhưng làm rõ năm 2020 là “kỳ tính thuế TNDN năm 2020” để phù hợp với quy định của Luật Thuế TNDN và thực tế thực hiện là kỳ tính thuế TNDN được xác định theo năm dương lịch hoặc năm tài chính.

- Về xác định tổng doanh thu năm 2020: nhằm bao quát hết các khoản doanh thu của doanh nghiệp, đồng thời đảm bảo thống nhất với quy định của Luật thuế TNDN và các văn bản hướng dẫn hiện hành, tại khoản 2 Điều 2 dự thảo Nghị định quy định rõ: “Tổng doanh thu năm 2020 làm căn cứ xác định đối tượng áp dụng được giảm thuế theo quy định tại khoản này là tổng doanh thu trong kỳ tính thuế TNDN năm 2020 của doanh nghiệp bao gồm toàn bộ tiền bán hàng, tiền gia công, tiền cung ứng dịch vụ kể cả trợ giá, phụ thu, phụ trội mà doanh nghiệp được hưởng theo quy định của Luật thuế TNDN và các văn bản hướng dẫn thi hành”.

- Về xác định tổng doanh thu cho các trường hợp hoạt động sản xuất kinh doanh không đủ 12 tháng:

Nghị quyết số 116/2020/QH14 quy định doanh nghiệp có tổng doanh thu năm 2020 không quá 200 tỷ đồng thuộc diện giảm thuế TNDN là tổng doanh thu của cả kỳ tính thuế TNDN năm 2020 (đủ 12 tháng); do đó trường hợp doanh nghiệp mới thành lập, doanh nghiệp chuyển đổi loại hình doanh nghiệp, chuyển đổi hình thức sở hữu, hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, giải thể, phá sản trong kỳ tính thuế TNDN năm 2020 hoạt động không đủ 12 tháng thì cần quy định phân bổ doanh thu theo thời gian thực tế doanh nghiệp hoạt động trong kỳ tính thuế TNDN năm 2020.

Vi vậy, tại khoản 2 Điều 2 dự thảo Nghị định quy định:

“...

Trường hợp doanh nghiệp mới thành lập, doanh nghiệp chuyển đổi loại hình doanh nghiệp, chuyển đổi hình thức sở hữu, hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, giải thể, phá sản trong kỳ tính thuế TNDN năm 2020 hoạt động không đủ 12 tháng thì tổng doanh thu năm 2020 được xác định bằng tổng doanh thu thực tế trong kỳ tính thuế TNDN năm 2020 chia (:) cho số tháng doanh nghiệp thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ tính thuế TNDN năm 2020 nhân (x) với 12 tháng. Trường hợp doanh nghiệp thành lập mới, doanh nghiệp chuyển đổi loại hình doanh nghiệp, chuyển đổi hình thức sở hữu, hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, giải thể, phá sản trong tháng thì thời gian hoạt động được tính đủ tháng”.

(2) Quy định cụ thể việc tạm nộp thuế theo quý

- Thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý thuế và để đảm bảo đơn giản, dễ thực hiện, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp, tại khoản 3 Điều 2 dự thảo Nghị định quy định cụ thể:

“Trường hợp doanh nghiệp dự kiến tổng doanh thu trong kỳ tính thuế TNDN năm 2020 không quá 200 tỷ đồng thì doanh nghiệp xác định tạm nộp hàng quý bằng 70% số thuế TNDN phát sinh của quý”.

- Ngoài ra, đối với một số trường hợp nộp thuế TNDN theo tỷ lệ % trên doanh thu hoặc nộp thuế TNDN theo từng lần phát sinh, để tránh tình trạng các doanh nghiệp này tạm nộp thuế hàng quý hoặc nộp thuế theo từng lần phát sinh đã thực hiện giảm 30% số thuế TNDN, nhưng tổng hợp cả năm thì có tổng doanh thu vượt trên 200 tỷ đồng, không thuộc đối tượng được giảm thuế và dẫn đến phải nộp bổ sung số tiền thuế thiếu, tiền chậm nộp nên dự thảo Nghị định quy định: *“Chưa giảm 30% số thuế TNDN phải nộp tại thời điểm phát sinh mà thực hiện xác định số thuế TNDN được giảm trong kỳ tính thuế TNDN năm 2020 theo Nghị định này tại thời điểm:*

- Thực hiện khai quyết toán thuế TNDN đối với doanh nghiệp tạm nộp hàng quý thuế TNDN theo tỷ lệ trên doanh thu thu được tiền khi thực hiện dự án đầu tư cơ sở hạ tầng, nhà để chuyển nhượng hoặc cho thuê, có thu tiền ứng trước của khách hàng theo tiến độ.

- Không quá ngày thứ 90 kể từ ngày kết thúc kỳ tính thuế TNDN năm 2020 đối với doanh nghiệp có hoạt động chuyển nhượng bất động sản nộp thuế TNDN theo từng lần phát sinh và doanh nghiệp thuộc diện kê khai nộp thuế TNDN tính theo tỷ lệ % trên doanh thu”.

(3) Quy định cụ thể việc quyết toán thuế và xác định khoản thu nhập được giảm thuế

- Tại khoản 4 Điều 2 dự thảo Nghị định quy định nguyên tắc theo quy định của Nghị quyết số 116/2020/QH14: *“Kết thúc kỳ tính thuế TNDN năm 2020, trường hợp tổng doanh thu năm 2020 của doanh nghiệp không quá 200 tỷ đồng thì doanh nghiệp thực hiện kê khai giảm thuế TNDN của năm 2020 khi quyết toán thuế TNDN theo quy định”.*

Đồng thời, tương ứng với quy định về việc xác định tổng doanh thu làm căn cứ giảm thuế tại điểm (1) nêu trên, khoản 4 Điều 2 dự thảo Nghị định cũng quy định: “Số thuế TNDN được giảm trong kỳ tính thuế TNDN năm 2020 được tính trên toàn bộ thu nhập của doanh nghiệp, bao gồm cả các khoản thu nhập quy định tại Khoản 3 Điều 18 Luật thuế TNDN” như: thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản, chuyển nhượng vốn, thu nhập từ hoạt động khai thác khoáng sản, thu nhập từ kinh doanh dịch vụ chịu thuế tiêu thụ đặc biệt,... bởi vì việc giảm thuế TNDN chỉ áp dụng cho thu nhập phát sinh trong năm 2020 của các doanh nghiệp có tổng doanh thu năm 2020 không quá 200 tỷ đồng, là đối tượng dễ bị tổn thương trước tác động tiêu cực của nền kinh tế cần được hỗ trợ theo đúng quy định của Nghị quyết.

- Ngoài ra, thực hiện đúng quy định của Nghị quyết số 116/2020/NQ14 là tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp đáp ứng tiêu chí tổng doanh thu năm 2020 không quá 200 tỷ đồng, không phân biệt doanh nghiệp đó có đang được hưởng ưu đãi thuế hay không; đồng thời việc giảm 30% số thuế TNDN theo quy định của Nghị quyết số 116/2020/NQ14 không phải là một hình thức ưu đãi thuế theo quy định của Luật Thuế TNDN nên dự thảo Nghị định quy định rõ: “Trường hợp doanh nghiệp đang được hưởng ưu đãi thuế TNDN theo quy định của pháp luật thuế TNDN thì số thuế TNDN được giảm theo quy định tại Nghị quyết số 116/2020/QH14 và Nghị định này được tính trên số thuế TNDN còn lại sau khi đã trừ đi số thuế TNDN mà doanh nghiệp đang được hưởng ưu đãi theo quy định của pháp luật thuế TNDN”.

(4) Kỳ tính thuế

Để thực hiện đúng quy định của Luật Thuế TNDN, dự thảo Nghị định quy định: Kỳ tính thuế TNDN được xác định theo năm dương lịch hoặc năm tài chính quy định tại Luật thuế TNDN và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

Đồng thời, để tránh vướng mắc trong thực hiện đối với trường hợp đặc thù có kỳ tính thuế lớn hơn 12 tháng nhưng nhỏ hơn 15 tháng và để thực hiện đúng quy định của Nghị quyết số 116/2020/NQ14, dự thảo Nghị định quy định: “Trường hợp kỳ tính thuế TNDN năm 2020 là kỳ tính thuế đầu tiên của doanh nghiệp mới thành lập hoặc là kỳ tính thuế cuối cùng của doanh nghiệp chuyển đổi loại hình doanh nghiệp, chuyển đổi hình thức sở hữu, hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, giải thể, phá sản, lớn hơn 12 tháng thì doanh nghiệp chỉ được giảm số thuế phải nộp của 12 tháng theo kỳ tính thuế TNDN năm 2020”.

Điều 3. Thủ tục giảm thuế

Khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 116/2020/QH14 quy định: “Doanh nghiệp căn cứ quy định tại khoản 1 Điều này để tự xác định số thuế được giảm khi tạm nộp thuế TNDN theo quý và quyết toán thuế TNDN năm 2020”.

Dự thảo Nghị định quy định chi tiết 02 nội dung sau:

(1) Về mẫu biểu ban hành kèm dự thảo Nghị định

- Đối với trường hợp khai quyết toán thuế TNDN: Để không làm phát sinh thêm thủ tục mới mà vẫn khả thi trong thực hiện, khoản 1 Điều 3 dự thảo Nghị định quy định: “*Khi lập tờ khai quyết toán thuế TNDN của kỳ tính thuế TNDN năm 2020, doanh nghiệp sau khi xác định số tiền thuế được giảm theo quy định thì thực hiện ghi vào chỉ tiêu 9.2 - số thuế TNDN được miễn, giảm không theo Luật thuế TNDN của Tờ khai quyết toán thuế TNDN nội dung “số tiền thuế được giảm”. Mẫu Tờ khai quyết toán thuế TNDN theo mẫu số 03/TNDN ban hành kèm theo Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có)*”.

- Đối với trường hợp thuộc diện kê khai nộp thuế TNDN tính theo tỷ lệ % trên doanh thu: Để thuận lợi trong thực hiện, tại khoản 1 Điều 3 dự thảo Nghị định đã quy định cụ thể về mẫu biểu đối với trường hợp này: “*Khi kê khai bổ sung thuế TNDN của kỳ tính thuế TNDN năm 2020 theo mẫu số 02/TNDN và 04/TNDN ban hành kèm theo Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có)*”.

Đồng thời bổ sung Phụ lục thuế TNDN được giảm theo Nghị định này để doanh nghiệp kê khai và nộp kèm tờ khai quyết toán thuế TNDN theo mẫu số 02/TNDN, 03/TNDN và 04/TNDN của kỳ tính thuế năm 2020.

(2) Quy định về kê khai giảm thuế

Để tạo thuận lợi cho doanh nghiệp khi kê khai giảm thuế TNDN, đồng thời phù hợp với quy định của Luật Thuế TNDN, Luật Quản lý thuế, khoản 2, khoản 3 Điều 3 dự thảo Nghị định quy định:

“2. Khi thực hiện quyết toán thuế TNDN, trường hợp doanh nghiệp nộp thiếu so với số thuế phải tạm nộp quý thì doanh nghiệp nộp bổ sung số tiền thuế còn thiếu và tính tiền chậm nộp theo quy định của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành. Trường hợp doanh nghiệp đã nộp thuế nhiều hơn so với số thuế phải nộp của kỳ tính thuế TNDN năm 2020 thì xử lý số tiền thuế nộp thừa theo quy định của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành.

3. Qua thanh tra, kiểm tra, cơ quan có thẩm quyền phát hiện doanh nghiệp không thuộc đối tượng được giảm thuế theo quy định của Nghị định này hoặc số thuế phải nộp của kỳ tính thuế TNDN năm 2020 do doanh nghiệp đã kê khai lớn hơn số thuế đã nộp theo quy định thì doanh nghiệp phải nộp số tiền thuế thiếu, tiền phạt và tiền chậm nộp kể từ ngày hết thời hạn nộp thuế theo quy định của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Trường hợp doanh nghiệp kê khai bổ sung quyết toán thuế của kỳ tính thuế TNDN năm 2020 hoặc thực hiện quyết định sau thanh tra, kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền làm tăng số thuế TNDN phải nộp thì số thuế tăng thêm được giảm 30% theo quy định của Nghị định này.

Trường hợp doanh nghiệp kê khai bổ sung quyết toán thuế của kỳ tính thuế TNDN năm 2020 hoặc thực hiện quyết định sau thanh tra, kiểm tra của cơ

quan có thẩm quyền làm giảm số thuế TNDN phải nộp thì xử lý số tiền thuế nộp thừa (nếu có) theo quy định của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành”.

Điều 4. Tổ chức thực hiện và hiệu lực thi hành

Khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 116/2020/QH14 quy định: “Nghị quyết này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày kể từ ngày ký và áp dụng cho kỳ tính thuế năm 2020”.

Nhằm tạo điều kiện cho doanh nghiệp được giảm thuế ngay khi tạm nộp số thuế TNDN của quý để hỗ trợ doanh nghiệp có thêm nguồn lực tài chính, tại khoản 1 Điều 4 dự thảo Nghị định quy định: *“Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và áp dụng cho kỳ tính thuế TNDN năm 2020”.*

4. Đánh giá tác động của dự thảo Nghị định

Khi trình Quốc hội Nghị quyết về giảm thuế TNDN phải nộp của năm 2020 đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác thì thực hiện giải pháp giảm 30% số thuế TNDN phải nộp của năm 2020 đối với trường hợp doanh nghiệp có tổng doanh thu năm 2020 không quá 200 tỷ đồng, dự kiến sẽ giảm thu NSNN của năm 2020 **khoảng 23.000 tỷ đồng**. Tuy nhiên, việc đề xuất giảm 30% số thuế TNDN sẽ góp phần hỗ trợ các doanh nghiệp nêu trên vượt qua khó khăn do tác động của đại dịch Covid-19, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp tích tụ vốn để phát triển sản xuất kinh doanh, nâng cao khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp, là tiền đề giúp các doanh nghiệp phát triển, chuyển đổi thành doanh nghiệp có quy mô lớn hơn để đóng góp lại cho NSNN trong thời gian tiếp theo.

Để khắc phục và bù đắp các tác động đến thu NSNN trong ngắn hạn cũng như đảm bảo sự chủ động trong điều hành dự toán NSNN, Bộ Tài chính sẽ phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan và địa phương chú trọng chỉ đạo thực hiện và triển khai hiệu quả các Luật thuế; tiếp tục cải cách hiện đại hóa hệ thống thuế, đơn giản hóa thủ tục hành chính thuế; đồng thời quyết liệt công tác quản lý thu NSNN, tập trung triển khai kịp thời, có hiệu quả các nhóm giải pháp quản lý thu, chống thất thu, chuyển giá, trốn thuế, xử lý thu hồi nợ thuế.

Bộ Tài chính kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

(Xin trình kèm Dự thảo Nghị định).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ Tư pháp;
- Các đơn vị: TCT, PC;
- Lưu: VT, CST (TN).

BỘ TRƯỞNG

Đinh Tiến Dũng



Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

Dur thảo

NGHỊ ĐỊNH

Quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 116/2020/QH14 của Quốc hội về giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2020 đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 32/2013/QH13 và Luật số 71/2014/QH13;

Căn cứ Nghị quyết số 116/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 về giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2020 đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 116/2020/QH14 của Quốc hội về giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2020 đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác.

Điều 1. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với người nộp thuế thu nhập doanh nghiệp là tổ chức hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ có thu nhập chịu thuế (sau đây gọi chung là doanh nghiệp) theo quy định tại Điều 1 Nghị quyết số 116/2020/QH14, bao gồm:

1. Doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam.
2. Tổ chức được thành lập theo Luật Hợp tác xã.
3. Đơn vị sự nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam.
4. Tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam có hoạt động sản xuất, kinh doanh có thu nhập.

Điều 2. Giảm thuế thu nhập doanh nghiệp

1. Giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2020 đối với trường hợp doanh nghiệp có tổng doanh thu năm 2020 không quá 200 tỷ đồng.

2. Tổng doanh thu năm 2020 làm căn cứ xác định đối tượng áp dụng được giảm thuế theo quy định tại khoản này là tổng doanh thu trong kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2020 của doanh nghiệp bao gồm toàn bộ tiền bán hàng, tiền gia công, tiền cung ứng dịch vụ kể cả trợ giá, phụ thu, phụ trội mà doanh nghiệp được hưởng theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Trường hợp doanh nghiệp mới thành lập, doanh nghiệp chuyển đổi loại hình doanh nghiệp, chuyển đổi hình thức sở hữu, hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, giải thể, phá sản trong kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2020 hoạt động không đủ 12 tháng thì tổng doanh thu năm 2020 được xác định bằng tổng doanh thu thực tế trong kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2020 chia (:) cho số tháng doanh nghiệp thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2020 nhân (x) với 12 tháng. Trường hợp doanh nghiệp thành lập mới, doanh nghiệp chuyển đổi loại hình doanh nghiệp, chuyển đổi hình thức sở hữu, hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, giải thể, phá sản trong tháng thì thời gian hoạt động được tính đủ tháng.

3. Trường hợp doanh nghiệp dự kiến tổng doanh thu trong kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2020 không quá 200 tỷ đồng thì doanh nghiệp xác định tạm nộp hàng quý bằng 70% số thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh của quý.

Chưa giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tại thời điểm phát sinh mà thực hiện xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm trong kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2020 theo Nghị định này tại thời điểm:

- Thực hiện khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp tạm nộp hàng quý thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ trên doanh thu thu được tiền khi thực hiện dự án đầu tư cơ sở hạ tầng, nhà để chuyển nhượng hoặc cho thuê, có thu tiền ứng trước của khách hàng theo tiến độ.

- Không quá ngày thứ 90 kể từ ngày kết thúc kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2020 đối với doanh nghiệp có hoạt động chuyển nhượng bất động sản nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo từng lần phát sinh và doanh nghiệp thuộc diện kê khai nộp thuế thu nhập doanh nghiệp tính theo tỷ lệ % trên doanh thu.

4. Kết thúc kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2020, trường hợp tổng doanh thu năm 2020 của doanh nghiệp không quá 200 tỷ đồng thì doanh nghiệp thực hiện kê khai giảm thuế thu nhập doanh nghiệp của năm 2020 khi quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định.

Số thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm trong kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2020 được tính trên toàn bộ thu nhập của doanh nghiệp, bao gồm cả các khoản thu nhập quy định tại Khoản 3 Điều 18 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp. Trường hợp doanh nghiệp đang được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật thuế thu nhập doanh nghiệp thì số thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm theo quy định tại Nghị quyết số 116/2020/QH14 và Nghị định này được tính trên số thuế thu nhập doanh nghiệp còn lại sau khi đã trừ đi số thuế thu nhập doanh nghiệp mà doanh nghiệp đang được hưởng ưu đãi theo quy định của pháp luật thuế thu nhập doanh nghiệp.

5. Kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định theo năm dương lịch hoặc năm tài chính quy định tại Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

Trường hợp kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2020 là kỳ tính thuế đầu tiên của doanh nghiệp mới thành lập hoặc là kỳ tính thuế cuối cùng của doanh nghiệp chuyển đổi loại hình doanh nghiệp, chuyển đổi hình thức sở hữu, hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, giải thể, phá sản, lớn hơn 12 tháng thì doanh nghiệp chỉ được giảm số thuế phải nộp của 12 tháng theo kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2020.

Điều 3. Thủ tục giảm thuế

1. Doanh nghiệp tự xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp khi tạm nộp hàng quý và số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2020.

Khi lập tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2020, doanh nghiệp sau khi xác định số tiền thuế được giảm theo quy định thì thực hiện ghi vào chỉ tiêu 9.2 - số thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm không theo Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp của Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp nội dung “số tiền thuế được giảm”. Mẫu Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp theo mẫu số 03/TNDN ban hành kèm theo Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

Đối với các doanh nghiệp thuộc diện kê khai nộp thuế thu nhập doanh nghiệp tính theo tỷ lệ % trên doanh thu khi kê khai bổ sung thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2020 theo mẫu số 02/TNDN và 04/TNDN ban hành kèm theo Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

Khi doanh nghiệp kê khai, quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp theo mẫu số 02/TNDN, 03/TNDN và 04/TNDN nêu trên thì nộp kèm bản Phụ lục thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm theo quy định của Nghị định này.

2. Khi thực hiện quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp, trường hợp doanh nghiệp nộp thiếu so với số thuế phải tạm nộp quý thì doanh nghiệp nộp bổ sung số tiền thuế còn thiếu và tính tiền chậm nộp theo quy định của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành. Trường hợp doanh nghiệp đã nộp thuế nhiều hơn so với số thuế phải nộp của kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2020 thì xử lý số tiền thuế nộp thừa theo quy định của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành.

3. Qua thanh tra, kiểm tra, cơ quan có thẩm quyền phát hiện doanh nghiệp không thuộc đối tượng được giảm thuế theo quy định của Nghị định này hoặc số thuế phải nộp của kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2020 do doanh nghiệp đã kê khai lớn hơn số thuế đã nộp theo quy định thì doanh nghiệp phải nộp số tiền thuế thiếu, tiền phạt và tiền chậm nộp kể từ ngày hết thời hạn nộp thuế theo quy định của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Trường hợp doanh nghiệp kê khai bổ sung quyết toán thuế của kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2020 hoặc thực hiện quyết định sau thanh tra, kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền làm tăng số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp thì số thuế tăng thêm được giảm 30% theo quy định của Nghị định này.

Trường hợp doanh nghiệp kê khai bổ sung quyết toán thuế của kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2020 hoặc thực hiện quyết định sau thanh tra, kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền làm giảm số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp thì xử lý số tiền thuế nộp thừa (nếu có) theo quy định của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều 4. Tổ chức thực hiện và hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và áp dụng cho kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2020.

2. Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh vướng mắc giao Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện.

3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các doanh nghiệp, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH (2b).

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**

Nguyễn Xuân Phúc

PHỤ LỤC

(Kèm theo Nghị định số/2020/NĐ-CP ngày/...../2020 của Chính phủ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC

**THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ĐƯỢC GIẢM
THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 116/2020/QH14 NGÀY 19/6/2020**

[01] Kỳ tính thuế:

Từng lần phát sinh: Ngày.....tháng.....năm.....

Năm 2020

[02] Lần đầu

[03] Bổ sung lần thứ: ...

[04] Tên người nộp thuế:.....

[05] Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--

[06] Địa chỉ:

[07] Số điện thoại:

[08] Tên đại lý thuế (nếu có):

[09] Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
1.	Tổng số thuế TNDN phải nộp	[10]	
	<i>Trong đó</i>		
1.1.	Thuế TNDN phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh	[11]	
1.2.	Thuế TNDN phải nộp của hoạt động chuyên nhượng bất động sản	[12]	
1.3.	Thuế TNDN phải nộp khác	[13]	
2.	Số thuế TNDN được giảm	[14]	
	<i>Trong đó</i>		
2.1.	Thuế TNDN được giảm của hoạt động sản xuất kinh doanh ⁽¹⁾	[15]	
2.2.	Thuế TNDN được giảm của hoạt động chuyên nhượng bất động sản ⁽²⁾	[16]	
2.3.	Thuế TNDN được giảm khác ⁽³⁾	[17]	



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 20 tháng 7 năm 2020

BÁO CÁO

Tiếp thu, giải trình ý kiến các Bộ, ngành, địa phương, tổ chức về dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 116/2020/QH14 của Quốc hội về giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2020

Thực hiện phân công của Chính phủ, Bộ Tài chính đã dự thảo Tờ trình Chính phủ và Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 116/2020/QH14 của Quốc hội về giảm thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) phải nộp của năm 2020 đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác. Ngày 26/6/2020 Bộ Tài chính đã có công văn số 7820/BTC-CST gửi lấy ý kiến các Bộ, ngành, địa phương, các tổ chức liên quan và đăng dự thảo trên Trang tin điện tử của Chính phủ, Bộ Tài chính để lấy ý kiến của tổ chức, cá nhân.

Đến nay, Bộ Tài chính đã nhận được 52 ý kiến tham gia của các cơ quan, đơn vị. Qua tổng hợp ý kiến cho thấy: về cơ bản các ý kiến tham gia đều nhất trí với dự thảo, ngoài ra có một số ý kiến tham gia cụ thể về các nội dung của dự thảo Nghị định và đã được Bộ Tài chính nghiên cứu giải trình, tiếp thu, hoàn thiện lại nội dung dự thảo Nghị định, cụ thể như sau:

1. Về đối tượng áp dụng (Điều 1 dự thảo)

Dự thảo Nghị định quy định dẫn chiếu theo Điều 1 Nghị quyết số 116/2020/QH14. Có ý kiến đề nghị đưa toàn bộ đối tượng áp dụng của Nghị quyết vào dự thảo Nghị định để tiện theo dõi. Bộ Tài chính đã tiếp thu, bổ sung cụ thể vào Điều 1 dự thảo.

2. Về giảm thuế TNDN (Điều 2 dự thảo)

2.1. Về tổng doanh thu làm căn cứ xác định đối tượng được giảm thuế

- Về xác định tổng doanh thu năm 2020: Dự thảo Nghị định gửi lấy ý kiến đề xuất "*Tổng doanh thu năm 2020 làm căn cứ xác định đối tượng được giảm thuế là tổng doanh thu bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ trong năm 2020 của doanh nghiệp*" (tiết a khoản 1 Điều 2).

Đa số ý kiến tham gia thống nhất với dự thảo.

Có ý kiến đề nghị quy định tổng doanh thu bao gồm doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác để bao quát hết các khoản thu của doanh nghiệp.

Về nội dung này, Bộ Tài chính có ý kiến như sau: Nếu quy định doanh thu bao gồm cả thu nhập khác như đề xuất nêu trên là chưa phù hợp với khái niệm doanh thu theo quy định của Luật thuế TNDN hiện hành (khái niệm doanh thu của Luật thuế TNDN không bao gồm thu nhập khác), đồng thời dùng khái niệm thu nhập khác có thể dẫn đến hiểu lầm là thu nhập thực nhận sau khi đã trừ hết các chi phí.

Vì vậy, để đảm bảo thống nhất với quy định của Luật thuế TNDN và các văn bản hướng dẫn hiện hành, Bộ Tài chính đề nghị giữ như nội dung dự thảo Nghị định, tuy nhiên có chỉnh sửa câu chữ cho phù hợp với quy định của Luật thuế TNDN và các văn bản hướng dẫn, cụ thể: *“Tổng doanh thu năm 2020 làm căn cứ xác định đối tượng áp dụng được giảm thuế theo quy định tại khoản này là tổng doanh thu trong kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2020 của doanh nghiệp bao gồm toàn bộ tiền bán hàng, tiền gia công, tiền cung ứng dịch vụ kể cả trợ giá, phụ thu, phụ trội mà doanh nghiệp được hưởng theo quy định của Luật thuế TNDN và các văn bản hướng dẫn thi hành”*.

- Về xác định tổng doanh thu cho các trường hợp hoạt động sản xuất kinh doanh không đủ 12 tháng: Điểm a khoản 1 Điều 2 dự thảo Nghị định gửi lấy ý kiến đề xuất cách xác định tổng doanh thu cho đối tượng doanh nghiệp mới thành lập có hoạt động không đủ 12 tháng.

Có ý kiến đề nghị để tạo thuận lợi cho doanh nghiệp trong kê khai và đơn giản trong quản lý thuế, đề nghị bổ sung quy định này cho cả các trường hợp doanh nghiệp chuyển đổi loại hình doanh nghiệp, chuyển đổi hình thức sở hữu, hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, giải thể, phá sản trong kỳ tính thuế TNDN năm 2020 hoạt động không đủ 12 tháng.

Bộ Tài chính đã tiếp thu, thể hiện tại khoản 2 Điều 2 dự thảo bổ sung quy định này cho cả các trường hợp doanh nghiệp mới thành lập và doanh nghiệp chuyển đổi loại hình doanh nghiệp, chuyển đổi hình thức sở hữu, hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, giải thể, phá sản.

2.2. Về tạm nộp thuế TNDN hàng quý

- Dự thảo Nghị định gửi lấy ý kiến đề xuất *“Doanh nghiệp tự xác định doanh thu bình quân tháng. Trường hợp doanh thu bình quân tháng không quá 16,67 tỷ đồng thì doanh nghiệp thực hiện tạm tính theo quý số thuế mà doanh nghiệp phải nộp theo quy định, sau đó tạm nộp số thuế TNDN của quý sau khi đã giảm 30% số thuế tạm tính”* (tiết b khoản 1 Điều 2).

Có ý kiến cho rằng việc xác định doanh thu bình quân tháng (mức tối đa 16,67 tỷ đồng) để làm cơ sở tính số thuế TNDN tạm nộp quý không khả thi vì tại thời điểm chưa kết thúc năm thì doanh nghiệp chưa có thông tin về tổng doanh thu của năm làm căn cứ xác định doanh thu bình quân tháng.

Về nội dung này, Bộ Tài chính có ý kiến như sau: Theo Nghị định số 91/2014/NĐ-CP của Chính phủ thì 4 quý phải tạm nộp 80% tổng số thuế TNDN của cả năm; tại dự thảo Nghị định hướng dẫn Luật Quản lý thuế số 38/2014/QH14 quy định 3 quý phải tạm nộp 75% tổng số thuế TNDN của cả

năm nên trường hợp doanh nghiệp không tạm nộp các quý theo mức quy định thì phải tính tiền chậm nộp trên số thuế nộp thiếu. Tổng nghĩa vụ thuế TNDN phải nộp của năm chỉ được xác định khi doanh nghiệp thực hiện quyết toán, không thực hiện tính tiền chậm nộp theo từng quý. Do đó, Bộ Tài chính tiếp thu việc bỏ quy định xác định doanh thu bình quân tháng và bổ sung thêm quy định mới vào dự thảo cho phù hợp với dự thảo Nghị định hướng dẫn Luật quản lý thuế như sau: “*b) Trường hợp doanh nghiệp dự kiến tổng doanh thu trong kỳ tính thuế TNDN năm 2020 không quá 200 tỷ đồng thì doanh nghiệp xác định tạm nộp hàng quý bằng 70% số thuế TNDN phát sinh của quý.*”

- Có ý kiến để tránh phức tạp và vướng mắc trong quản lý thuế, đề nghị bổ sung nội dung chưa giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tại thời điểm phát sinh mà thực hiện xác định số thuế TNDN được giảm trong kỳ tính thuế TNDN năm 2020 tại thời điểm thực hiện khai quyết toán thuế TNDN hoặc thời điểm không quá ngày thứ 90 kể từ ngày kết thúc kỳ tính thuế TNDN năm 2020 đối với các trường hợp: (i) Doanh nghiệp tạm nộp hàng quý thuế TNDN theo tỷ lệ trên doanh thu thu được tiền khi thực hiện dự án đầu tư cơ sở hạ tầng, nhà để chuyển nhượng hoặc cho thuê, có thu tiền ứng trước của khách hàng theo tiến độ; (ii) Doanh nghiệp có hoạt động chuyển nhượng bất động sản nộp thuế TNDN theo từng lần phát sinh; (iii) Doanh nghiệp thuộc diện kê khai nộp thuế TNDN tính theo tỷ lệ % trên doanh thu.

Đề xuất này phù hợp với pháp luật về quản lý thuế, có tính khả thi trong thực hiện do khắc phục được nhược điểm của việc các doanh nghiệp này tạm nộp thuế hàng quý hoặc nộp thuế theo từng lần phát sinh đã thực hiện giảm 30% số thuế TNDN nhưng tổng hợp cả năm lại có tổng doanh thu vượt trên 200 tỷ đồng, không thuộc đối tượng được giảm thuế và phải nộp bổ sung số tiền thuế thiếu, tiền chậm nộp. Do vậy, Bộ Tài chính xin tiếp thu bổ sung vào dự thảo Nghị định.

2.3. Về thu nhập được giảm thuế

Để thực hiện đúng quy định của Nghị quyết số 116/2020/NQ14 và đảm bảo tính cụ thể khi thực hiện, có ý kiến đề xuất bổ sung thêm vào dự thảo quy định: Trường hợp doanh nghiệp đang được hưởng ưu đãi thuế TNDN thì số thuế TNDN được giảm theo quy định tại Nghị định này được tính trên số thuế TNDN còn lại sau khi đã trừ đi số thuế TNDN mà doanh nghiệp đang được hưởng ưu đãi theo quy định.

Bộ Tài chính đã tiếp thu và thể hiện tại khoản 4 Điều 2 dự thảo.

3. Về thủ tục giảm thuế (Điều 3 dự thảo)

- Có ý kiến đề nghị bổ sung mẫu biểu xác định số thuế TNDN được giảm đối với các đối tượng thuộc diện kê khai nộp thuế TNDN tính theo tỷ lệ % trên doanh thu.

Về nội dung này, Bộ Tài chính có ý kiến như sau: Phạm vi áp dụng giảm 30% thuế TNDN tại Nghị định có áp dụng đối với doanh nghiệp, tổ chức kê khai nộp thuế TNDN tính theo tỷ lệ % trên doanh thu. Hiện nay, các đơn vị này kê

khai thuế TNDN năm theo mẫu 04/TNDN và 02/TNDN ban hành kèm theo Thông tư số 151/2014/TT-BTC. Tại mẫu 04/TNDN và 02/TNDN không có chỉ tiêu “*Số thuế TNDN được miễn, giảm không theo Luật Thuế TNDN*” như tại mẫu 03/TNDN ban hành kèm theo Thông tư số 151/2014/TT-BTC (áp dụng cho đối tượng doanh nghiệp, tổ chức nộp thuế theo phương pháp kê khai doanh thu-chi phí).

Để thuận lợi trong thực hiện, Bộ Tài chính đã bổ sung Phụ lục thuế TNDN được giảm theo Nghị định này để doanh nghiệp nộp kèm khi kê khai, quyết toán thuế TNDN theo mẫu số 02/TNDN, 03/TNDN và 04/TNDN nêu trên.

- Có ý kiến đề nghị quy định cụ thể thành phần và thời gian nộp hồ sơ giảm thuế, thời hạn cơ quan thuế phải xử lý hồ sơ, đối trừ số thuế nộp thừa...

Về nội dung này, Bộ Tài chính có ý kiến như sau: Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn hiện hành đã quy định cụ thể về các nội dung liên quan đến công tác quản lý thuế, trong đó đã bao gồm những nội dung có ý kiến nêu trên. Do vậy, đề nghị thực hiện theo pháp luật về quản lý thuế mà không quy định tại Nghị định này.

4. Về hiệu lực thi hành (Điều 4 dự thảo)

Dự thảo Nghị định gửi lấy ý kiến đề xuất “*Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và áp dụng cho kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2020*” (Khoản 1 Điều 4).

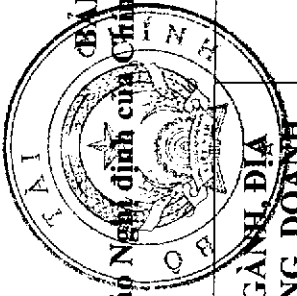
Có ý kiến đề nghị nghiên cứu chỉnh lý theo hướng Nghị định có hiệu lực thi hành cùng ngày với Nghị quyết số 116/2020/QH14 và áp dụng cho kỳ tính thuế năm 2020 để đảm bảo tính thống nhất với lý do Nghị quyết số 116/2020/QH14 có hiệu lực thi hành sau 45 ngày kể từ ngày ký và áp dụng cho kỳ tính thuế năm 2020 (được thông qua ngày 19/6/2020).

Về nội dung này, Bộ Tài chính có ý kiến như sau: Do thuế TNDN quyết toán theo năm và Nghị định này áp dụng cho kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2020 nên nội dung của Nghị định cũng không bị thay đổi. Tuy nhiên, do hiện nay chưa xác định ngày ký chính thức Nghị quyết số 116/2020/QH14 nên đề nghị tiếp thu được chính xác, Bộ Tài chính đề nghị trước mắt giữ như dự thảo. Bộ Tài chính sẽ trao đổi thêm và hoàn thiện cụ thể trong quá trình phối hợp với Bộ Tư pháp khi thẩm định dự thảo Nghị định.

5. Ngoài ra, có một số ý kiến tham gia đề nghị chỉnh sửa về mặt câu chữ, kết cấu lại nội dung điều, khoản của dự thảo Nghị định nhưng không làm thay đổi nội dung, Bộ Tài chính đã tiếp thu để hoàn chỉnh lại và thể hiện tại dự thảo Nghị định.

(Bảng tổng hợp chi tiết kèm theo)

BỘ TÀI CHÍNH



BẢNG TỔNG HỢP Ý KIẾN CỦA CÁC BỘ, NGÀNH VÀ ĐỊA PHƯƠNG
Về dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết của Quốc hội về giảm thuế TNDN phải nộp năm 2020

STT	BỘ NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG, DOANH NGHIỆP	Ý KIẾN THAM GIA	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
I			
1	Bộ Thông tin và Truyền thông (Cv số 2496/BTTTT-KHHC ngày 06/7/2020)	<p>1. Bộ Thông tin và Truyền thông thống nhất việc ban hành Nghị định của Chính phủ về giảm thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) phải nộp của năm 2020 nhằm tháo gỡ khó khăn và hỗ trợ các doanh nghiệp do dịch Covid gây ra.</p> <p>2. Đối với chi tiết dự thảo Nghị định đề nghị Ban soạn thảo xem xét sửa đổi, bổ sung một số nội dung sau:</p> <p>2.1. Đề nghị Ban soạn thảo sửa đổi, bổ sung điểm b, Khoản 1, Điều 2, dự thảo Nghị định như sau:</p> <ul style="list-style-type: none">- Phương thức xác định doanh thu để làm cơ sở xác định số thuế TNDN phải nộp hàng quý tính trên doanh thu bình quân theo quý với mức không quá 50 tỷ đồng/quý thay vì mức 16,67 tỷ đồng/tháng tại dự thảo Nghị định sẽ phù hợp và thống nhất với kỳ kê khai và nộp thuế TNDN theo quy định hiện hành.- Đối với Quý 4/2020: cho phép Doanh nghiệp được phép bù trừ doanh thu giữa quý 4 với 3 quý đầu năm để tính đúng, tính đủ số tiền thuế TNDN phải nộp trong năm. Vì thực tế cho thấy các quý đầu năm (đặc biệt là quý 1 và 2) hoạt động của các Doanh nghiệp gần như tê liệt do dịch Covid gây ra nên có thể xảy ra trường hợp mức doanh thu quý 1; quý 2 và quý 3 không quá 50 tỷ đồng/quý. Tuy nhiên quý 4/2020 tăng đột biến, có thể cao hơn 50 tỷ đồng thì Doanh nghiệp lại không được áp dụng chính sách giảm thuế 30% mà vẫn nộp đầy đủ (xét cả năm Doanh nghiệp sẽ nộp thừa). Trong khi đó dự thảo quy định Doanh	<p>Dự thảo đã bỏ nội dung này để đảm bảo khả thi trong thực hiện và phù hợp với pháp luật về quản lý thuế.</p> <p>Pháp luật thuế hiện hành không có quy định về bù trừ doanh thu giữa các quý.</p>

STT	BỘ NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG, DOANH NGHIỆP	Ý KIẾN THAM GIA	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
2	Bộ Nội Vụ (Cv số	<p>nghịệp phải nộp tiền chậm nộp theo quy định nhưng khi doanh nghiệp nộp thừa lại không được ngân sách hoàn trả.</p> <p>2.2. Đề nghị Ban soạn thảo sửa đổi điểm d, Khoản 1, Điều 2, dự thảo Nghị định như sau:</p> <p>Ban soạn thảo Nghị định quy định rõ cách thức xử lý số tiền thuế TNDN nộp thừa khi quyết toán thuế năm sẽ được đối trừ với số thuế TNDN phải nộp của các kỳ tính thuế tiếp theo.</p>	<p>Pháp luật về quản lý thuế hiện hành đã có quy định xử lý trong trường hợp người nộp thuế nộp thừa tiền thuế phải nộp.</p>
3	Bộ Tài nguyên và Môi trường (Cv số 3534/BTNMT-KHTC ngày 01/7/2020)	Nhất trí	
4	Ủy ban dân tộc (Cv số 803/UBNDT-KHTC ngày 07/7/2020)	Nhất trí	
5	Bộ Văn hóa thể thao và Du lịch (Cv số 2522/BVHTTDL-KHTC ngày 08/7/2020)	<p>Cơ bản thống nhất với nội dung dự thảo Nghị định.</p> <p>Đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét, cân nhắc một số nội dung sau:</p> <p>- Tại dự thảo Tờ trình CP, đề nghị bổ sung thêm các nội dung về quan điểm chỉ đạo việc xây dựng dự thảo Nghị định và quá trình xây dựng dự thảo Nghị định, để đảm bảo phù hợp với mẫu số 03 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành VBQPPL.</p> <p>- Tại điểm a khoản 1 Điều 2 Dự thảo Nghị định, đề nghị xác định khái niệm “tổng doanh thu” phù hợp với quy định tại Điều 8 Luật thuế TNDN.</p>	<p>Tiếp thu thể hiện tại dự thảo</p> <p>Tiếp thu thể hiện tại dự thảo</p>

STT	BỘ NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG, DOANH NGHIỆP	Ý KIẾN THAM GIA	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
6	Bộ Công thương (Cv số 4934/BCT-KH ngày 08/7/2020)	Nhất trí	
7	Ngân hàng nhà nước Việt Nam (Cv số 4951/NHNN-TCKT ngày 08/7/2020)	<p>Đề nghị bổ sung các đối tượng tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài vào đối tượng áp dụng của Nghị định vì tình hình hoạt động của các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phụ thuộc rất lớn vào tình hình hoạt động của các doanh nghiệp nói riêng và nền kinh tế nói chung. Vậy nên khi các doanh nghiệp và nền kinh tế ảnh hưởng của dịch Covid-19 thì các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cũng bị ảnh hưởng trực tiếp. Đặc biệt khi mà hoạt động tín dụng vẫn chiếm tỷ trọng lớn trong doanh thu hoạt động của các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Thời gian qua, doanh thu của các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị sụt giảm nghiêm trọng bởi dịch Covid-19 do khách hàng không có khả năng trả nợ.</p> <p>Đồng thời, để hỗ trợ các khách hàng chịu ảnh hưởng của dịch Covid theo chỉ đạo của Chính phủ tại Nghị quyết 11/NQ-CP ngày 14/2/2020 và chỉ đạo của NHNN Việt Nam, các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ; miễn, giảm lãi, phí cho khách hàng; miễn, giảm phí chương trình thanh toán điện tử nhằm hỗ trợ trực tiếp cho người sử dụng dịch vụ, các hoạt động này cũng ảnh hưởng đến nguồn thu của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Theo đó, NHNN đã kịp thời ban hành Thông tư số 01/2020/TT-NHNN ngày 13/3/2020 quy định về việc TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19; Thông tư số 04/2020/TT-NHNN ngày 31/3/2020 về việc sửa đổi Thông tư số 26/2013/TT-NHNN ngày 05/12/2013 của NHNN ban hành</p>	<p>Đối tượng được giảm thuế đã được quy định cụ thể tại Nghị quyết số 116/2020/QH14, theo đó đề nghị Ngân hàng nhà nước hướng dẫn các thành viên thực hiện theo các quy định của Nghị quyết và Nghị định hướng dẫn.</p>

STT	BỘ NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG, DOANH NGHIỆP	Ý KIẾN THAM GIA	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<p>biểu phí dịch vụ thanh toán qua NHNN, công văn số 1680/NHNN-TT ngày 13/3/2020 về việc áp dụng miễn, giảm phí dịch vụ; công văn số 2342/NHNN-TT ngày 31/3/2020 về điều chỉnh giảm phí dịch vụ chuyển tiền qua hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng.</p>	
8	<p>Bộ Ngoại giao (Cv số 2340/BNG-LPQT ngày 13/7/2020)</p>	<p>Nhất trí dự thảo Nghị định.</p> <p>Ngoài ra đề nghị cần nhắc điều chỉnh khoản 1 Điều 4 dự thảo Nghị định để Nghị định có hiệu lực đồng thời với Nghị quyết của QH. Do dự thảo hiện nay quy định Nghị định có hiệu lực kể từ ngày ký, có khả năng Nghị định có hiệu lực sớm hơn Nghị quyết là vẫn bản được hướng dẫn thi hành (có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký).</p>	<p>Tiếp thu trong quá trình gửi xin ý kiến thẩm định và trình Chính phủ</p>
9	<p>Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</p>	<p>1. Về giảm thuế TNND (Điều 2 Dự thảo)</p> <p>Điều 2 dự thảo ND quy định quy định việc miễn giảm thuế kê khai theo quy: “<i>doanh nghiệp thực hiện tạm tính theo quý số thuế mà doanh nghiệp phải nộp theo quy định, sau đó tạm nộp số thuế TNND của quý sau khi đã giảm 30% số thuế tạm tính</i>”. Tuy nhiên, các doanh nghiệp tạm nộp quý II, do đó, đề nghị nghiên cứu, xem xét hướng dẫn doanh nghiệp kê khai số thuế được miễn giảm thuế TNND từ tháng 1 năm 2020 đến thời điểm kê khai thuế TNND quý đầu tiên kể từ ngày Nghị định có hiệu lực.</p> <p>2. Về thủ tục giảm thuế (Điều 3 dự thảo)</p> <p>Đề nghị xem xét bỏ sung quy định về trình tự, thủ tục giảm thuế. Trường hợp trình tự, thủ tục giảm thuế được thực hiện theo quy định của Luật quản lý thuế, đề nghị quy định dẫn chiếu đến điều, khoản cụ thể của Luật để rõ chức, cá nhân thực hiện thống nhất.</p>	<p>Dự thảo đã nghiên cứu thể hiện theo hướng “Trường hợp doanh nghiệp dự kiến tổng doanh thu trong kỳ tính thuế TNND năm 2020 không quá 200 tỷ đồng thì doanh nghiệp xác định tạm nộp hàng quý bằng 70% số thuế TNND phát sinh của quý”</p> <p>Theo quy định của pháp luật về thuế, về quản lý thuế hiện hành doanh nghiệp tự xác định số thuế TNND khi tạm nộp hàng quý và số thuế TNND phải nộp của kỳ tính thuế TNND năm 2020.</p>

STT	BỘ NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG, DOANH NGHIỆP	Ý KIẾN THAM GIA	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
10	Bộ Tr pháp (Cv số 2529 /BTP – PLDSKT ngày 15/7/2020)	<p>3. Về hiệu lực thi hành (Điều 4 dự thảo)</p> <p>Nhất trí về quy định hiệu lực thi hành kể từ ngày ký của dự thảo Nghị định. Tuy nhiên, trường hợp dự thảo ND được ban hành trước thời điểm có hiệu lực của Nghị quyết, đề nghị quy định hiệu lực thi hành của Nghị định cùng thời điểm với hiệu lực thi hành của NQ để tạo thuận lợi cho doanh nghiệp.</p> <p>I. Về sự cần thiết ban hành văn bản</p> <p>Ngày 19/6/2020, Quốc hội khóa XIV đã thông qua Nghị quyết số 116/2020/QH14 về giảm thuế TNDN phải nộp của năm 2020 đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác. Theo đó, khoản 2 Điều 3 của Nghị quyết giao Chính phủ hướng dẫn thi hành Nghị quyết này. Vì vậy, việc Bộ Tài chính xây dựng Nghị định quy định chi tiết thi hành Nghị quyết của Quốc hội về giảm thuế TNDN phải nộp của năm 2020 đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác là cần thiết.</p> <p>II. Về nội dung của dự thảo Nghị định</p> <p>Để hoàn thiện thêm nội dung dự thảo Nghị định, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu nội dung sau:</p> <p>Về hiệu lực thi hành, khoản 1 Điều 4 dự thảo Nghị định quy định: “<i>Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký</i>”. Hiện nay, Nghị quyết số 116/2020/QH14 có hiệu lực thi hành sau 45 ngày kể từ ngày ký và áp dụng cho kỳ tính thuế năm 2020 (được thông qua ngày 19/6/2020). Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu chỉnh lý theo hướng Nghị định có hiệu lực thi hành cùng ngày với Nghị quyết số 116/2020/QH14 và áp dụng cho kỳ tính thuế năm 2020 để đảm bảo tính thống nhất.</p> <p>III. Về kỹ thuật soạn thảo văn bản</p>	<p>Tiếp thu trong quá trình gửi xin ý kiến thẩm định và trình Chính phủ</p>
			<p>Tiếp thu trong quá trình gửi xin ý kiến thẩm định và trình Chính phủ</p>

STT	BỘ NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG, DOANH NGHIỆP	Ý KIẾN THAM GIA	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<p>Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, thực hiện theo đúng quy định tại Điều 8 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và Chương V Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.</p> <p>IV. Về trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành Nghị định</p> <p>Bộ Tư pháp đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo thực hiện đúng quy định tại Điều 90, Điều 91, Điều 92 và Điều 93 của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, lấy ý kiến đối tượng chịu tác động trực tiếp của văn bản và hoàn hiện hồ sơ gửi Bộ Tư pháp thẩm định trước khi trình Chính phủ.</p>	<p>Tiếp thu thể hiện tại dự thảo</p> <p>Dự thảo đã được gửi lấy ý kiến các Bộ, ngành, địa phương, các tổ chức liên quan và đăng dự thảo trên Trang tin điện tử của Chính phủ, Bộ Tài chính theo quy trình.</p> <p>Điểm 5 Nghị quyết số 105/NQ-CP ngày 14/7/2020 của Chính phủ đã giao Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan xây dựng dự thảo Nghị định để thi hành Nghị quyết của Quốc hội theo trình tự, thủ tục rút gọn, trình Chính phủ ban hành trong tháng 8 năm 2020.</p>
11	<p>Bộ Lao động- thương binh và xã hội (Cv số 2550/LĐTBXH-KHTC ngày 10/7/2020)</p>	<p>Thông nhất về chủ trương giảm thuế TNĐN phải nộp của năm 2020 đối với đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác, tuy nhiên, hiện nay Quốc hội chưa ban hành Nghị quyết về giảm thuế. Vì vậy, đề nghị BTC căn cứ vào Nghị quyết của QH để rà soát lại nội dung của Nghị định trước khi trình Chính phủ ban hành.</p>	<p>Tiếp thu, hoàn thiện</p>
12	<p>Bộ Xây dựng (Cv số 3337/BXD-KHTC ngày 09/7/2020)</p>	<p>Nhất trí</p>	
13	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Cv số 4500/BKHĐT-PTDN ngày 14/7/2020)</p>	<p>Về cơ bản dự thảo Nghị định đã quy định chi tiết các nội dung liên quan về phương pháp tính và thủ tục giảm thuế TNĐN cho doanh nghiệp. Tuy nhiên, để tạo thuận lợi hơn cho các doanh nghiệp về thủ tục giảm thuế, đề nghị BTC cân nhắc bổ sung một số nội dung sau:</p>	

STT	BỘ NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG, DOANH NGHIỆP	Ý KIẾN THAM GIA	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<p>1. Tại khoản 2 Điều 3</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bổ sung quy định trường hợp hồ sơ giảm thuế của doanh nghiệp chưa hợp pháp, chưa đầy đủ hoặc chưa đúng mẫu theo quy định thì cơ quan thuế thông báo rõ nội dung, giấy tờ còn thiếu trong vòng 3-5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ của doanh nghiệp để doanh nghiệp kịp thời sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, đảm bảo đúng quy định tại khoản 2 Điều 48 Luật quản lý thuế. - Bổ sung quy định về thời hạn cơ quan thuế xử lý đối với trường hợp doanh nghiệp kê khai được giảm nhiều hơn số thuế đã kê khai giảm trước đó để đảm bảo doanh nghiệp sớm nhận được khoản thuế giảm bổ sung, tạo điều kiện hỗ trợ tối đa cho doanh nghiệp. 2. Để đảm bảo tính minh bạch, thuận lợi trong quá trình triển khai và phù hợp với khoản 1 Điều 81 Luật quản lý thuế, đề nghị bổ sung điều khoản quy định về thành phần hồ sơ đề nghị giảm thuế mà doanh nghiệp phải nộp cho cơ quan thuế. 	<p>Theo quy định của pháp luật về thuế, về quản lý thuế hiện hành doanh nghiệp tự xác định số thuế TNDN khi tạm nộp hàng quý và số thuế TNDN phải nộp của kỳ tính thuế TNDN năm 2020.</p> <p>Về trình tự, thủ tục khai, nộp thuế đã được quy định cụ thể tại pháp luật về quản lý thuế.</p> <p>Doanh nghiệp tự xác định số thuế TNDN khi tạm nộp hàng quý và số thuế TNDN phải nộp của kỳ tính thuế TNDN năm 2020.</p> <p>Thuế TNDN là loại thuế có kỳ tính thuế theo năm; trong 1 kỳ tính thuế TNDN năm doanh nghiệp chỉ kê khai, nộp tờ khai quyết toán thuế TNDN tại thời điểm quyết toán thuế năm.</p>
14	Thanh tra Chính phủ (Cv số 1139/TTCP-PC ngày 14/7/2020)	Nhất trí	
15	Bảo hiểm xã hội Việt Nam (Cv số 2157/BHXH-TCKT ngày 02/7/2020)	Nhất trí	
16	Viện Hàn Lâm khoa học và công nghệ Việt Nam	Nhất trí	

STT	BỘ NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG, DOANH NGHIỆP	Ý KIẾN THAM GIA	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
17	Ban Quản lý lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh (CV số 923/BQLL-VP ngày 08/7/2020)	Nhất trí	
18	Đài truyền hình Việt Nam	Nhất trí	
II	ĐỊA PHƯƠNG		
1	UBND tỉnh Lai Châu (Cv số 1501/STC-NS ngày 06/7/2020 của STC Lai Châu).	Nhất trí	
2.	UBND tỉnh Hà Giang (Cv số 486/CT-NVDTPC ngày 06/7/2020 của Cục thuế Hà Giang)	Nhất trí	
3	UBND tỉnh Tuyên Quang (Cv số 698/CT-NVDTPC ngày 06/7/2020 của Cục thuế Tuyên Quang)	Nhất trí	
4	UBND tỉnh Quảng Nam (Cv số 5980/CT-NVDT ngày 07/7/2020 của Cục thuế Quảng Nam)	<p>Cơ bản thống nhất và có các ý kiến tham gia như sau:</p> <p>Về nội dung dự thảo Nghị định</p> <p>1. Thực tế có phát sinh trường hợp Doanh nghiệp đang được hưởng ưu đãi thuế TNDN theo quy định của Luật thuế TNDN và các văn bản quy phạm pháp luật về thuế TNDN, cụ thể: trường hợp đang được hưởng ưu đãi về thuế suất: 10% hoặc 17% và</p>	

STT	BỘ NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG, DOANH NGHIỆP	Ý KIẾN THAM GIA	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<p>hường ưu đãi giảm 50% số thuế phải nộp thì dự thảo Nghị định chưa có quy định.</p> <p>Vì vậy đề nghị nghiên cứu bổ sung như sau: trường hợp Doanh nghiệp đang được hưởng ưu đãi thuế TNDN theo quy định của Luật thuế TNDN và các văn bản quy phạm pháp luật về thuế TNDN, thì số thuế TNDN được giảm theo quy định tại Nghị định này được tính trên số thuế TNDN còn lại sau khi đã trừ đi số thuế TNDN mà doanh nghiệp đang được hưởng ưu đãi theo quy định.</p> <p>2. Đề nghị cần hướng dẫn chi tiết hơn việc giảm thuế TNDN năm 2020 đối với những doanh nghiệp mới ra hoạt động trong năm 2020 và đăng ký kỳ tính thuế theo năm tài chính.</p>	<p>Tiếp thu thể hiện tại dự thảo</p> <p>Tiếp thu thể hiện tại dự thảo</p>
5	<p>UBND tỉnh Tiền Giang (Cv số 1869/CT- ngày NVD/TPC 08/7/2020 của Cục thuế Tiền Giang)</p>	<p>Cơ bản thống nhất thông nhất theo dự thảo Tờ trình và dự thảo Nghị định.</p> <p>Ngoài ra có ý kiến đóng góp thêm: Đề nghị đưa rõ đối tượng áp dụng của Nghị quyết vào dự thảo Nghị định: "Điều 1 của dự thảo Nghị định: Đối tượng áp dụng.</p> <p><i>Nghị định này áp dụng đối với người nộp thuế TNDN là tổ chức hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ có thu nhập chịu thuế (sau đây gọi chung là doanh nghiệp) theo quy định tại Điều 1 Nghị quyết số .../2020/QH14.</i></p> <p>Sửa lại Điều 1: Đối tượng áp dụng</p> <p><i>Nghị quyết này áp dụng đối với người nộp thuế TNDN là tổ chức hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ có thu nhập chịu thuế theo quy định của Luật thuế TNDN (sau đây gọi là doanh nghiệp), bao gồm:</i></p> <p>1. Doanh nghiệp được thành lập theo quy định của</p>	<p>Tiếp thu thể hiện tại dự thảo</p>

STT	BỘ NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG, DOANH NGHIỆP	Ý KIẾN THAM GIA	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
6	UBND tỉnh Phú Yên (Cv số 2321/CT-NVDTPC ngày 08/7/2020 của Cục thuế Phú Yên)	<p><i>pháp luật Việt Nam;</i></p> <p><i>2. Tổ chức được thành lập theo Luật hợp tác xã;</i></p> <p><i>3. Đơn vị sự nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam;</i></p> <p><i>4. Tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam có hoạt động sản xuất, kinh doanh có thu nhập.</i></p> <p>Thông nhất với dự thảo Nghị định. Ngoài ra có ý kiến như sau:</p> <p>Tại khoản 1 Điều 2: Đề nghị bổ sung: “Đối với doanh nghiệp, tổ chức thuộc trường hợp nộp thuế TNNDN theo tỷ lệ % trên doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ theo quy định của pháp luật về thuế TNNDN không phát sinh thường xuyên hoạt động kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế TNNDN, thực hiện kê khai thuế TNNDN theo từng lần phát sinh và không phải khai quyết toán năm, doanh nghiệp, tổ chức tự xác định doanh thu của từng lần phát sinh trong năm 2020 không quá 16,67 tỷ đồng thì doanh nghiệp, tổ chức tự tính, kê khai và nộp thuế thuế TNNDN của từng lần phát sinh sau khi đã được giảm 30% số thuế phải nộp; đối với những lần phát sinh đã khai thuế TNNDN trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì hành thi không xem xét, điều chỉnh lại”.</p> <p>Tại Điều 3: Thủ tục giảm thuế</p> <p>Đề nghị bổ sung: nội dung hướng dẫn doanh nghiệp, tổ chức thuộc trường hợp nộp thuế TNNDN theo tỷ lệ % trên doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ (bao gồm đối tượng khai quyết toán thuế năm và khai từng lần phát sinh) nêu trên cách thực hiện khai số thuế được giảm 30% vào tờ khai mẫu số 04/TNNDN để doanh nghiệp, tổ chức thuận tiện trong việc thực hiện khai thuế”.</p>	<p>Dự thảo đã bỏ nội dung xác định doanh thu bình quân mỗi tháng làm căn cứ xác định đối tượng được giảm thuế để đảm bảo khả thi trong thực hiện và phù hợp với pháp luật về quản lý thuế.</p> <p>Tiếp thu thể hiện tại dự thảo</p>

STT	BỘ NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG, DOANH NGHIỆP	Ý KIẾN THAM GIA	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
7	UBND tỉnh Quảng Ninh (Cv số 3209/STC-TCĐN ngày 07/7/2020 của STC Quảng Ninh)	<p>- Năm 2020, việc giảm 30% số thuế TNDN phải nộp là quan trọng và cần thiết, trong lúc đại dịch Covid 19 đã và đang diễn biến phức tạp sẽ góp phần hỗ trợ doanh nghiệp vượt qua khó khăn, có thêm nguồn lực tài chính duy trì và khôi phục sản xuất kinh doanh.</p> <p>Về cơ bản, Sở Tài chính nhất trí với nội dung, kết cấu dự thảo Nghị định của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết của Quốc hội về giảm thuế TNDN phải nộp của năm 2020 đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác.</p> <p>- Tuy nhiên, dự thảo Nghị định cần bổ sung, hoàn thiện cụ thể như sau: Tại Khoản 1 Điều 3 quy định: "...Khi lập tờ khai quyết toán thuế TNDN năm 2020, doanh nghiệp sau khi xác định số tiền thuế được giảm theo quy định thì thực hiện ghi vào chi tiêu 9.2- số thuế TNDN được miễn, giảm không theo Luật thuế TNDN của Tờ khai quyết toán thuế TNDN nội dung: số tiền thuế được giảm kèm chú thích giảm 30% số thuế phải nộp năm 2020 theo quy định của Nghị quyết số .../2020/QH14 của Quốc hội".</p> <p>Hiện tại, NNT đang sử dụng ứng dụng Hồ trợ kê khai (HTKK) để khai thuế, tại chi tiêu 9.2 trên ứng dụng HTKK không hỗ trợ nhập ký tự bằng chữ.</p> <p>Đề nghị hướng dẫn nhập phần chú thích này tại phần cuối của Tờ khai quyết toán thuế TNDN mẫu 03/TNDN đồng thời nâng cấp ứng dụng HTKK để hỗ trợ thực hiện.</p>	<p>Tiếp thu thể hiện tại dự thảo</p>
8	UBND tỉnh Hải Dương (Cv số 4046/CT-NVDTPC ngày 07/7/2020 của Cục thuế Hải Dương)	<p>- Về đối tượng áp dụng: đề nghị hướng dẫn bổ sung thêm kê khai giảm đối với NNT là các doanh nghiệp, tổ chức nộp thuế TNDN theo phương pháp tỷ lệ.</p> <p>- Tại Điều 2 có quy định: "Kỳ tính thuế TNDN được xác định theo năm dương lịch hoặc năm tài chính...". Tuy nhiên lại không</p>	<p>Tiếp thu thể hiện tại dự thảo</p> <p>Tiếp thu thể hiện tại dự thảo</p>

STT	BỘ NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG, DOANH NGHIỆP	Ý KIẾN THAM GIA	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
9	UBND tỉnh Bình Thuận (Cv số 6380/CTBTH-NVDTPC ngày 10/7/2020 của Cục thuế Bình Thuận)	Nhất trí	
10	UBND tỉnh Kon Tum (Cv số 2497/STC-TCDN ngày 09/7/2020 của STC Kon Tum)	Nhất trí	
11	UBND tỉnh Nghệ An (Cv số của Cục thuế Nghệ An)	Nhất trí	
12	UBND tỉnh Hà Tĩnh (Cv số 1484/CT-NVDTPC ngày 06/7/2020 của Cục thuế tỉnh Hà Tĩnh)	<p>- Tại khoản 2 Điều 3: Thủ tục giám thuế, đề nghị bỏ phần “Trường hợp trong thời gian giám thuế, cơ quan thuế có cơ sở xác định doanh nghiệp không thuộc đối tượng được giám thuế thì cơ quan thuế có văn bản thông báo cho doanh nghiệp về việc không giám thuế và doanh nghiệp phải nộp đủ số tiền thuế và tên chậm nộp theo quy định vào NSNN”. Vì trong Luật Quản lý thuế đã có quy định quyền và nghĩa vụ của người nộp thuế là tự tính, tự khai, tự nộp, tự chịu trách nhiệm trước pháp luật; Đồng thời giám bớt thủ tục hành chính của cơ quan thuế và người nộp thuế”.</p>	Tiếp thu thể hiện tại dự thảo
13	UBND tỉnh Bắc Giang (Cv số 3639/CT-	1. Cơ bản nhất trí.	Theo dự thảo là tính trên toàn bộ doanh thu của

STT	BỘ NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG, DOANH NGHIỆP	Ý KIẾN THAM GIA	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	<p>NVDTPC ngày 06/7/2020 của Cục thuế tỉnh Bắc Giang)</p>	<p>2. Một số ý kiến như sau:</p> <p>2.1. Tại điểm a khoản 1 Điều 2 dự thảo ND quy định: “a) Tổng doanh thu năm 2020 làm căn cứ xác định đối tượng áp dụng được giảm thuế theo quy định tại khoản này là tổng doanh thu bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ trong năm 2020 của doanh nghiệp”.</p> <p>Đề nghị bổ sung như sau:</p> <p>“Tổng doanh thu năm 2020 làm căn cứ xác định đối tượng áp dụng được giảm thuế theo quy định tại khoản này là tổng doanh thu bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ trong năm của doanh nghiệp trừ doanh thu từ các hoạt động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Doanh thu từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng quyền góp vốn; doanh thu từ chuyển nhượng BĐS (trừ doanh thu từ đầu tư kinh doanh nhà ở xã hội quy định tại điểm d khoản 3 Điều 19 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014); doanh thu từ chuyển nhượng dự án đầu tư, chuyển nhượng quyền tham gia dự án đầu tư, chuyển nhượng quyền thăm dò, khai thác khoáng sản; doanh thu nhận được từ hoạt động sản xuất, kinh doanh ở ngoài Việt Nam. - Doanh thu từ hoạt động tìm kiếm, thăm dò, khai thác dầu, khí, tài nguyên quý hiếm và doanh thu từ hoạt động khai thác khoáng sản. - Doanh thu từ kinh doanh dịch vụ thuộc diện chịu thuế TTDB theo quy định của Luật thuế TTDB. <p>2.2 Tại khoản 2 Điều 3 ở đoạn đầu nên bỏ bớt ý sau, sau khi bỏ thành là ”cơ quan thuế không phải thông báo cho doanh nghiệp về việc chấp hành giảm thuế”. Vì căn cứ vào nguồn nhân lực và tránh rủi ro cho cơ quan thuế.</p>	<p>người nộp thuế nên để đảm bảo công bằng không thực hiện loại trừ như đề xuất của tỉnh.</p> <p>Tiếp thu thể hiện tại dự thảo</p>

STT	BỘ NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG, DOANH NGHIỆP	Ý KIẾN THAM GIA	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<p>2.3 Tại khoản 2 Điều 3 ở đoạn giữa đề nghị bổ sung số tiền thuế không được giảm cho đúng với đối tượng được giảm thuế, sau khi bổ sung là "Trường hợp sau khi hết thời gian giảm thuế, cơ quan thuế phát hiện qua thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp không thuộc đối tượng được giảm thuế theo quy định tại Nghị định này hoặc số thuế đã kê khai để giảm lớn hơn số thuế được giảm theo quy định thì doanh nghiệp phải nộp lại số tiền thuế không được giảm, số tiền thuế thiếu, tiền phạt và tiền chậm nộp do cơ quan thuế xác định lại vào ngân sách nhà nước".</p>	<p>Số tiền thuế không được giảm chính là một phần số tiền thuế thiếu của doanh nghiệp</p>
14	<p>UBND tỉnh Hậu Giang (Cv số 1961/STC-TCDDN ngày 08/7/2020 của STC Hậu Giang</p>	<p>Nhất trí</p>	
15	<p>UBND tỉnh Thanh Hóa (Cv số 3051/CT-NVDTPC ngày 06/7/2020 của Cục thuế Thanh Hóa)</p>	<p>Nhất trí</p>	
16	<p>UBND tỉnh Bắc Kạn (Cv số 1288/CT-TTKT ngày 07/7/2020 của Cục thuế Bắc Kạn)</p>	<p>Nhất trí</p>	
17	<p>UBND tỉnh Lạng Sơn (Cv số)</p>	<p>Nhất trí</p>	
18	<p>UBND tỉnh Hòa Bình (Cv số 1109/UBND-TCTM ngày 08/7/2020)</p>	<p>Nhất trí</p>	
19	<p>UBND tỉnh Quảng Ngãi (Cv số 2201/CT-NVDTPC ngày</p>	<p>1. Tại điểm a khoản 1 Điều 2 dự thảo Nghị định quy định: "Tổng doanh thu năm 2020 làm căn cứ xác định đối tượng áp dụng</p>	<p>Tiếp thu thể hiện tại dự thảo</p>

STT	BỘ NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG, DOANH NGHIỆP	Ý KIẾN THAM GIA	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	13/7/2020 của Cục thuế Quảng Ngãi)	<p>được giảm thuế theo quy định tại khoản này là tổng doanh thu bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ trong năm 2020 của doanh nghiệp". Theo dự thảo Nghị định không có quy định Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định; do đó, để tránh vướng mắc khi áp dụng văn bản quy phạm pháp luật, đề nghị quy định cụ thể: "Tổng doanh thu bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ trong năm 2020" đã bao gồm khoản "Thu nhập khác" và "Doanh thu tài chính" không.</p> <p>2. Tại khoản 2 Điều 3 dự thảo Nghị định quy định: "Trường hợp sau khi hết thời gian giảm thuế, cơ quan thuế phát hiện qua thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp được giảm nhiều hơn số thuế đã kê khai giảm trước đó thì doanh nghiệp được khai bổ sung để tiếp tục hưởng số thuế được giảm theo mức mà cơ quan thuế xác định lại."</p> <p>Đề nghị sửa đổi nội dung tại khoản 2 Điều 3 dự thảo như sau: "Trường hợp sau khi hết thời gian giảm thuế, cơ quan thuế phát hiện qua thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp được giảm nhiều hơn số thuế đã kê khai giảm trước đó thì doanh nghiệp được giảm thuế TNDN theo quy định đối với số thuế TNDN do thanh tra, kiểm tra phát hiện." Lý do: Qua thanh tra, kiểm tra, nghĩa vụ thuế của doanh nghiệp sẽ được xác định theo kết quả thanh tra, kiểm tra, việc quy định doanh nghiệp phải kê khai bổ sung là thêm thủ tục hành chính và không cần thiết.</p>	Tiếp thu thể hiện tại dự thảo
20	UBND tỉnh Bạc Liêu (Cv số 2943/UBND-TH ngày 08/7/2020)	<p>Cơ bản thống nhất với nội dung dự thảo.</p> <p>Tuy nhiên đề xác định đúng số tiền thuế TNDN được giảm 30% của năm 2020 đối với người nộp thuế quy định tại Điều 1, dự thảo Nghị định, kiến nghị bổ sung thêm công thức tính vào Điều 2 dự thảo Nghị định, kiến nghị bổ sung thêm công thức tính vào Điều 2 dự thảo Nghị định vì:</p>	<p>Cách xác định thu nhập chịu thuế, thu nhập tính thuế trong kỳ tính thuế đã được quy định cụ thể tại các văn bản pháp luật thuế hiện hành. Theo đó doanh nghiệp tự xác định số thuế TNDN khi tạm nộp hàng quý và số thuế TNDN phải nộp của kỳ tính thuế</p>

STT	BỘ NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG, DOANH NGHIỆP	Ý KIẾN THAM GIA	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
21	UBND tỉnh Đồng Tháp (Cv số 1177/CT-TTHT ngày 03/7/2020 của Cục thuế Đồng Tháp)	<p>- Nghị định được ban hành theo trình tự rút gọn, nên sẽ được áp dụng thực hiện ngay khi ND có hiệu lực thi hành, do đó, cần đảm bảo đơn giản, dễ hiểu, để thực hiện, tạo thuận lợi cho người nộp thuế, không phải chờ Thông tư hướng dẫn;</p> <p>- Hiện có không ít doanh nghiệp đang trong thời gian hưởng ưu đãi thuế TNDN (miễn thuế, giảm thuế), như vậy số thuế TNDN phải nộp làm căn cứ tính giảm 30% là số đã được giảm theo Luật thuế TNDN hay là số chưa được giảm thì dự thảo Thông tư không quy định rõ.</p>	<p>TNDN năm 2020.</p> <p>Tiếp thu thể hiện tại dự thảo</p>
22	UBND tỉnh Ninh Thuận (Cv số 3058/CT-TTKT ngày 07/7/2020 của Cục thuế tỉnh Ninh Thuận)	Nhất trí	
23	UBND tỉnh Bến Tre (Cv số 1711/CT-TTHT ngày 06/7/2020 của Cục thuế Bến Tre)	Nhất trí	
24	UBND tỉnh Long An (Cv số 1905/CT-NVDTPC ngày 09/7/2020 của Cục thuế Bến Tre)	Nhất trí	
25	UBND tỉnh Kon Tum (Cv số 2497/STC-	Nhất trí	

STT	BỘ NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG, DOANH NGHIỆP	Ý KIẾN THAM GIA	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
26	TCĐN ngày 09/7/2020 và Cv số 2448/STC-QLNS ngày 07/7/2020 của Sở Tài chính Kon Tum)	Nhất trí	
27	UBND tỉnh Cà Mau (Cv số 4106/UBND-KT ngày 09/7/2020)	Nhất trí	
28	UBND Thành phố Đà Nẵng (Cv số 4524/UBND-KTTC ngày 13/7/2020)	<p>Cơ bản thống nhất với dự thảo.</p> <p>- Tại khoản 1b Điều 2 dự thảo Nghị định, đề nghị bỏ đoạn “doanh nghiệp thực hiện tạm tính theo quý số thuế mà doanh nghiệp phải nộp theo quy định, sau đó”, sửa thành : “b) Doanh nghiệp tự xác định doanh thu bình quân tháng không quá 16,67 tỷ đồng thì tạm nộp số thuế TNDN của quý sau khi đã giảm 30% số thuế tạm tính”.</p> <p>- Tại khoản 2 Điều 3 dự thảo Nghị định, đề nghị bỏ sung “ và các cơ quan có thẩm quyền”, sửa thành “Trường hợp sau khi hết thời gian giảm thuế, cơ quan thuế và các cơ quan có thẩm quyền phát hiện qua thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp không thuộc đối tượng... do cơ quan thuế và các cơ quan có thẩm quyền xác định lại vào NSNN”.</p>	<p>Dự thảo đã bỏ nội dung này để đảm bảo khả thi trong thực hiện và phù hợp với pháp luật về quản lý thuế.</p> <p>Tiếp thu thể hiện tại dự thảo</p>
29	UBND tỉnh Vĩnh Phúc (Cv số 6064/CT-TTHT ngày 14/7/2020 của Cục thuế Vĩnh Phúc)	Nhất trí	

STT	BỘ NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG, DOANH NGHIỆP	Ý KIẾN THAM GIA	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
30	UBND tỉnh Yên Bái (Cv số 1730/STC-TCDN ngày 07/7/2020 của STC Yên Bái)	<p style="text-align: center;">Ý KIẾN THAM GIA</p> <p>I. Về bố cục, trình bày: nhất trí dự thảo ND.</p> <p>II. Về Nội dung:</p> <p>1. Tại khoản 2 Điều 3 dự thảo ND quy định: “Trường hợp sau khi hết thời gian giám thuế, cơ quan thuế phát hiện qua thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp được giám nhiều hơn số thuế đã kê khai giám trước đó thì doanh nghiệp được khai bổ sung để tiếp tục hưởng số thuế được giám theo mức mà cơ quan thuế xác định lại”.</p> <p>Tại khoản 3 Điều 47 Luật quản lý thuế số 38 quy định:</p> <p>“3. Sau khi cơ quan thuế, cơ quan có thẩm quyền đã ban hành kết luận, quyết định xử lý về thuế sau thanh tra, kiểm tra tại trụ sở của người nộp thuế thì việc khai bổ sung hồ sơ khai thuế được quy định như sau:</p> <p>a) Người nộp thuế được khai bổ sung hồ sơ khai thuế đối với trường hợp làm tăng số tiền thuế phải nộp, giảm số tiền thuế được khấu trừ hoặc giảm số tiền thuế được miễn, giảm, hoàn và bị xử phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế đối với hành vi quy định tại Điều 142 và Điều 143 của Luật này;</p> <p>b) Trường hợp người nộp thuế phát hiện hồ sơ khai thuế có sai, sót nếu khai bổ sung làm giảm số tiền thuế phải nộp hoặc làm tăng số tiền thuế được khấu trừ, tăng số tiền thuế được miễn, giảm, hoàn thì thực hiện theo quy định về giải quyết khiếu nại về thuế.”</p> <p>Như vậy, Luật quản lý thuế số 38 không quy định việc người nộp thuế được khai bổ sung điều chỉnh đối với trường hợp tại khoản 2 Điều 3 dự thảo ND, do đó, đề nghị sửa lại như sau:</p> <p>“Trường hợp sau khi hết thời gian giám thuế, cơ quan thuế phát hiện qua thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp được giám</p>	<p style="text-align: center;">Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH</p> <p>Tiếp thu thể hiện tại dự thảo</p>

STT	BỘ NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG, DOANH NGHIỆP	Ý KIẾN THAM GIA	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<p>thuế nhiều hơn số thuế đã kê khai giám trước đó thì doanh nghiệp được giám theo mức do thanh tra, kiểm tra phát hiện.”.</p> <p>2. Tại Điều 3 dự thảo quy định về thủ tục giám thuế; dự thảo mới chỉ hướng dẫn lập tờ khai quyết toán và ghi chỉ tiêu miễn giảm trên tờ khai quyết toán thuế TNDN theo mẫu số 03/TNDN, chưa hướng dẫn thủ tục cho doanh nghiệp, tổ chức thuộc trường hợp nộp thuế TNDN theo tỷ lệ % trên doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ theo quy định của pháp luật về thuế TNDN khai quyết toán thuế TNDN theo mẫu số 04/TNDN.</p> <p>Lý do: Tại Điều 1 Dự thảo Nghị định quy định đối tượng áp dụng là người nộp thuế TNDN là tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ có thu nhập chịu thuế. Trên thực tế hiện nay, có nhiều doanh nghiệp đang áp dụng khai quyết toán thuế TNDN theo tỷ lệ doanh thu, đây cũng là đối tượng được giám thuế TNDN nên Nghị định cần hướng dẫn cụ thể thủ tục đối với trường hợp này.</p> <p>3. Các nội dung khác: nhất trí như dự thảo.</p>	Tiếp thu thể hiện tại dự thảo
31	UBND tỉnh Lâm Đồng (Cv số 1927/CT-NVDTPC ngày 16/7/2020 của Cục thuế Lâm Đồng)	Nhất trí	
32	UBND tỉnh Yên Bái (Cv số 712/STC-QLNS ngày 06/7/2020 của STC Yên Bái)	Nhất trí	
33	UBND tỉnh Bình Thuận (Cv số 6380/CTBTH-	Nhất trí	

STT	BỘ NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG, DOANH NGHIỆP	Ý KIẾN THAM GIA	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	NVD/PC ngày 10/7/2020)		
34	UBND tỉnh Bình Định (Cv số 4603/UBND-TH ngày 14/7/2020)	Nhất trí	